

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 24-9-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành.

2. Ông Võ Trọng Thơi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 22/01/2021, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hồ Thành A, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2021). Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Đăng K, sinh năm 1986; địa chỉ: Số Y đường D, Tổ P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2021, lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 14/4/2020, anh Nguyễn Đình Đăng K có vay của chị Trần Thị B số tiền 50.000.000đồng, hai bên có lập giấy vay tiền. Đến ngày 24/4/2020, anh K có vay thêm của chị B số tiền 100.000.000đồng, để xác nhận việc vay tiền, anh K ký xác nhận tiếp vào Giấy vay tiền đã lập ngày 14/4/2020. Vào ngày 09/5/2020, anh K vay thêm chị B số tiền 50.000.000đồng, chị B đồng ý và đã chuyển tiền cho anh K qua tài khoản Ngân

hàng TECHCOMBANK. Về thời hạn vay là từ chuyển tiền đến ngày 14/6/2020. Khi đến hạn trả tiền vay, chị B đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh K không thực hiện việc trả nợ. Do đó, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K phải cho chị B số tiền đã vay 200.000.000đồng và trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 14/6/2020 đến ngày 11/01/2021 là 221 ngày, tương ứng với số tiền $200.000.000đ \times 10\%/năm \times 221 \text{ ngày} = 11.722.222đ$ ồng. Tổng cộng anh K phải trả cho chị B là 211.722.222đồng. Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/6/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 14/6/2020 đến ngày 14/6/2021 là 365 ngày, tương ứng với số tiền $200.000.000đ \times 10\%/năm \times 365 \text{ ngày} = 20.000.000đ$ ồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi yêu cầu anh K trả cho chị B là 220.000.000đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý cho anh Nguyễn Đình Đăng K biết việc chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K trả nợ gốc và lãi nhưng quá thời hạn luật định, anh K không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ để làm việc nhưng bị đơn vắng mặt nên không có lời khai của bị đơn trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải đối với vụ án.

Qua xác minh tại nơi cư trú của anh Nguyễn Đình Đăng K, ông Nguyễn Đình Đ là cha đẻ của anh K cho biết: Anh K có địa chỉ đăng ký thường trú tại số Y đường D, Tổ P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông đã nhận được các thông báo, giấy triệu tập Tòa án. Anh K đã biết việc chị B khởi kiện, cũng như việc Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy triệu tập anh K đến làm việc, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, do đi làm ăn nên anh K không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa ngày 14/9/2021, anh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 24/9/2021, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Trần Thị B, buộc anh Nguyễn Đình Đăng K trả cho chị Trần Thị B số tiền 220.000.000đ, trong đó: số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/6/2020 đến ngày 14/6/2021 là 365 ngày, với mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 20.000.000đ. Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Đình Đăng K có lập Giấy vay tiền ngày 14/4/2020, với nội dung chị B cho anh K vay số tiền 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng, lãi theo thỏa thuận của hai bên, thời hạn trả chậm nhất ngày 14/6/2020. Đến ngày 24/4/2020, chị B có đưa thêm cho anh K số tiền 100.000.000đ và hai bên có ký tiếp phía dưới Giấy vay tiền ngày 14/4/2020 đã ký trước đó, với nội dung: “Hôm nay 24/4/2020, tôi có đưa thêm 100.000.000đ”. Đến ngày 09/5/2020, chị B có chuyển cho anh K số tiền 50.000.000đ qua tài khoản Ngân hàng TECHCOMBANK. Các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc hai bên có thỏa thuận vay mượn tiền như trên, chị B đã cung cấp cho Tòa án là phù hợp với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn là anh K biết việc chị B khởi kiện yêu cầu anh K nhưng anh K không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Có cơ sở để khẳng định: giữa chị B và anh K đã xác lập thỏa thuận vay tiền trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, số tiền vay là 200.000.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 200.000.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn, thấy rằng: Khoản vay 50.000.000đồng ngày 14/4/2020, hai bên có ghi lãi suất theo thỏa thuận; còn khoản vay ngày 24/4/2020, hai bên chỉ ghi số tiền đã đưa 100.000.000đồng và khoản vay ngày 09/5/2020 chuyển qua tài khoản Ngân hàng, không có cơ sở nào khác để khẳng định có sự thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày hết thời hạn trả nợ là ngày 14/6/2020 cho đến ngày 14/6/2021 là phù hợp với khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi chậm trả của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc chậm trả là $200.000.000đ \times 10\%/năm \times 365 \text{ ngày} = 20.000.000đ$ ồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ($220.000.000đ \times 5\% = 11.000.000đ$ ồng); trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B.

Buộc anh Nguyễn Đình Đăng K phải trả cho chị Trần Thị B 220.000.000đ, trong đó: số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính trên số tiền gốc chậm trả là 20.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải trả trên đây thì người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Đình Đăng K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000đồng.

Trả lại cho chị Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.293.000đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001255 ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo

